TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc
Số: 195/2017/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 282/2017/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1951;

Cư trú: Số nhà Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1950;

Cư trú: Số nhà 6/115, ấp Ái Ngãi, xã Phú Ngãi Trị, huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn T và bà Bùi Thị T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 5 con chung tên là Lê Hồng P, sinh năm 1972; Lê Hồng T, sinh năm 1973; Lê Thị Kim T , sinh năm 1976; Lê Thị Kim A, sinh năm 1978; và Lê Hồng Hải, sinh năm 1985, hiện nay các người con chung đã có vợ chồng, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Lê Văn T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Lê Văn T đã nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007981 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Long An được chuyển thu thành án phí sơ thẩm số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), hoàn trả cho ông T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Các đương sự (1b);*
- *VKSND huyện C (2b);*
- *Chi cục THADS huyện C (1b);*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS (1b); Lưu VT (1b).*

Diệp Song Tiền